

NỘI DUNG ÔN CUỐI NĂM- MÔN TOÁN

I. ÔN TẬP VỀ SỐ HỌC

Bài 1: Số gồm năm trăm, bốn chục và bốn đơn vị được viết là:

- a. 514 b. 504 c. 544 d. 541

Bài 2: Từ các chữ số 5, 1, 8 viết được số bé nhất có 3 chữ số khác nhau là:

- a. 518 b. 102 c. 158 d. 815

Bài 3: Giá trị của chữ số 5 trong số 546 là:

- A. 500 B. 50 C. 546 D. 5

Bài 4: Cho số 527. Giá trị của chữ số 5 hơn giá trị của chữ số 2 là bao nhiêu đơn vị ?

- A. 3 đơn vị B. 48 đơn vị C. 480 đơn vị D. 30 đơn vị

Bài 5: Các số: 191; 957; 599; 518 được xếp theo thứ tự từ tăng dần là:

- A. 191; 599; 518; 957 C. 957; 599; 518; 191
B. 599; 518; 957; 191 D. 191; 518; 599; 957

Bài 6: Tổng của số nhỏ nhất có ba chữ số và số lớn nhất có hai chữ số khác nhau là:

- A. 198 B. 199 C. 100 D. 298

Bài 7: Nối mỗi số với cách đọc của số đó:

Sáu trăm bảy mươi hai
Năm trăm bảy mươi năm
Bốn trăm chín mươi chín
Bốn trăm linh chín

409
575
677
499



Bài 8: Cho dãy số: 4; 8; 12; 16;số tiếp theo điền vào chỗ chấm là:

- A. 22 B. 23 C. 20 D. 24

Bài 9: Số liền sau số tròn trăm lớn nhất có ba chữ số là:

- A. 990 B. 900 C. 989 D. 901

Bài 10. Tìm liền trước, liền sau:

Số liền trước của số 289 là:.....

Số 256 là số liền trước số:.....

Số 390 là số liền sau số:.....

Bài 11. Số liền trước 524 là:

- A. 525 B. 523 C. 522 D. 526

Bài 12. Số gồm 3 trăm 2 chục và 6 đơn vị là:

- A. 326 B. 623 C. 236 D. 66

Bài 13. Trong các số dưới đây, số nhỏ nhất có ba chữ số mà chữ số hàng trăm là 5 là:

- A. 501 B. 500 C. 105 D. 505

Bài 14. Số nhỏ nhất có 3 chữ số là:

- A. 900 B. 10 C. 100 D. 200

Bài 15. Số lớn nhất có 3 chữ số là :

- A. 900 B. 999 C. 100 D. 998

Bài 16. Số lớn nhất có 3 chữ số khác nhau là:

- A. 978 B. 999 C. 987 D. 789

Bài 17. Số sáu trăm linh hai viết là:

- A. 602 B. 206 C. 600 D. 226

Bài 18. Số liền sau số nhỏ nhất có 3 chữ số là:

- A. 100 B. 101 C. 102 D. 10

Bài 19: Giá trị của chữ số 3 trong số 531 là

- A. 30 B. 300 C. 3 D. 13

Bài 20. Số 345 được viết thành tổng nào dưới đây?

- A. $300 + 40 + 5$ B. $300 + 40$
C. $300 + 4 + 50$ D. $300 + 45 + 5$

Bài 21. Cho dãy số sau: 125; 130; 135; 140;... Số thứ năm của dãy số trên là số nào?

- A. 145 B. 245 C. 130 D. 150

Bài 22. Số nào được phân tích thành tổng $20 + 600 + 4$:

- A. 642 B. 624 C. 264 D. 246

Bài 23: Điền vào chỗ trống.

Viết số	Đọc số	Viết số	Đọc số
555	Năm trăm năm mươi lăm	101	Một trăm linh một
486			Hai trăm hai mươi hai
245			Bảy trăm tám mươi

Bài 24: >;<; =

367 ... 278	278 ... 280	800 ... 798	310 ... 357	823 ... 820
589 ... 589	988 ... 1000	796 ... 769	104 ... 140	653 ... 652
527 ... 824	926927	760 + 8778	962..... 900 + 62	257..... 266

Bài 25: Nối vào ô trống thích hợp

$$126 < \square < 129$$

116 +

$128 + 21$

118

205 -

Bài 26. Đọc, viết số biết số đó gồm:

a. 8 trăm, 6 chục , 4 đơn vị - Viết số:

- Đọc là :

b. 1 trăm, 1 đơn vị - Viết số:

- Đọc là :

c. 9 trăm , 6 chục - Viết số:

- Đọc là :

d. 5 trăm , 5 chục, 5 đơn vị. - Viết số:

- Đọc là :

Bài 27: Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:

a. 141; 142;;.....;.....;146; 147

b. 510; 515; 520;;;

c. 310; 320; 330;;;.....

Bài 18. Nối mỗi số với cách đọc của số đó:

Tám trăm bảy mươi lăm ▪	▪
Năm trăm bảy mươi tám ▪	▪
Bốn trăm linh bốn ▪	▪
Bốn trăm ▪	▪

400
404
875
578

Bài 19: Viết số thích hợp vào chỗ trống

Số liền sau của 114 là:.....

Số liền trước của 120 là:.....

Số tròn chục liền trước của 150 là:.....

Số ở giữa của 109 và 111 là:.....

Số lớn nhất có 3 chữ số khác nhau là:

Số nhỏ nhất có 3 chữ số là :.....

Số liền sau số nhỏ nhất có 3 chữ số là:

Số lớn nhất có 3 chữ số là:.....

Bài 20: Viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị:

a) 793 = b) 436 =

c) 108 = d) 960 =

Bài 21: Viết các số: 342, 560, 218, 409, 545, 601

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn:

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé:

Bài 22: Bài

a) Giá trị chữ số 5 là:

b) Giá trị chữ số 4 là:

c) Giá trị chữ số 4 hơn giá trị chữ số 1 là:

Bài 23: Từ ba chữ số 5, 1, 9 hãy lập tất cả các số có ba chữ số khác nhau mà nhỏ hơn 900.

Bài 24: Tìm một số có 3 chữ số , biết chữ số hàng trăm là số lớn nhất có một chữ số, chữ số hàng chục là 0, chữ số hàng đơn vị là tích của 2 và 4.

PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA

I, TRẮC NGHIỆM

Bài 1. Dãy tính: $2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2$ tương ứng với phép nhân:

- A. 2 x 5 B. 5 x 2 C. 2 x 6 D. 6 x 2

Bài 2. 6 được lấy 4 lần viết dưới dạng tích hai số là:

- A. 4×6 B. 6×4 C. $6 + 6 + 6 + 6$ D. $6 + 4$

Bài 3. Minh lấy 5 đôi đũa cho cả nhà. Hỏi Minh đã lấy bao nhiêu chiếc đũa?

- A. 5 chiếc B. 10 đôi C. 12 chiếc D. 10 chiếc

Bài 4. Trong phép nhân: $5 \times 2 = 10$, thừa số là:

- A. 5 và 10 B. 5 và 2 C. 10 và 2 D. 5 x 2

Bài 5. Phép nhân: $2 \times 8 = 16$ có tích là:

- A. 2 B. 8 C. 16

Bài 6. Phép nhân nào dưới đây có tích bằng 15?

- A. Phép nhân có các thừa số là 2 và 3.

- ### B. Phép nhân có các thừa số là 3 và 5

- ### C. Phép nhân có các thừa số là 1 và 5

Bài 7. Trong chuồng có 5 con lợn . Hỏi có bao nhiêu chân lợn?

- A. 4 chân B. 24 chân C. 20 chân D. 10 chân

Bài 8. Trong phép chia $12 : 2 = 6$. Số 6 được gọi là:

- A. Số bị chia B. Thương C. Tích D. Số chia

Bài 9. Phép chia $18 : 2$ có kết quả nào sau đây?

- A. 6 B. 2 C. 9 D. 5

Bài 10. Trong phép chia $14 : \dots = 7$. Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 2 B. 3 C. 7 D. 4

Bài 11. Mỗi túi có 5 quả cam, hỏi 5 túi như thế có bao nhiêu quả?

- A. 25 B. 20 C. 25 quã D. 20 quã

Bài 12. Tìm thương trong phép chia biết số bị chia là 8. Số chia là 2

- A. 5 B. 4 C. 1 D. 16

Bài 13. Có 10 kg gạo. Chia đều cho 2 người. Vậy số gạo mỗi người nhận được là :

- A. 20 kg B. 5 kg C. 4 kg D. 3 kg

Bài 14. Đoạn dây dài 16m. Đem cắt thành 2 đoạn. Mỗi đoạn dài số mét là :

- A. 9m B. 8m C. 4m D. 6 m

Bài 15. Kết quả của phép tính $40\text{kg} : 5$ là:

- A. 8l B. 80 C. 8 kg D. 8

Bài 16. 45 học sinh xếp thành 5 hàng. Hỏi mỗi hàng có bao nhiêu học sinh?

- A. 3 học sinh B. 5 học sinh C. 9 học sinh D. 15 học sinh

Bài 17: Trên sân có 4 con gà, 2 con mèo. Vậy có tất cả cái chân.

- A. 8 cái chân B. 16 cái chân C. 12 cái chân D. 10 cái chân

Bài 18: Cho ba số 9, 18, 2. Từ 3 số đã cho lập được mấy chia phù hợp

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 5

II. Tự luận:

Bài 1: Chuyển các tích thành tổng các số hạng bằng nhau rồi tính (theo mẫu) :

Mẫu: $6 \times 3 = 6 + 6 + 6 = 18$; vậy $6 \times 3 = 18$.

a) $2 \times 9 = \dots\dots\dots$; vậy.....

b) $3 \times 5 = \dots\dots\dots$; vậy

c) $5 \times 2 = \dots\dots\dots$; vậy

Bài 2: Số?

Số bị chia	45		8	35	20	14
Số chia		2		5		
Thương	9	8	4		10	7

Thừa số	5			5	2	5
Thừa số		1	2		6	
Tích	30	2	18	35		40

Bài 3: Tính

$$5 \times 10 - 35 = \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots$$

$$8 \times 2 + 82 = \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots$$

$$4\text{cm} \times 5 + 80\text{cm} = \dots\dots\dots$$

$$25\text{kg} : 5 + 120\text{kg} = \dots\dots\dots$$

=.....

=.....

Bài 4: Mỗi cái giỏ đựng 2 cây nấm. Hỏi 8 cái giỏ đựng bao nhiêu cây nấm ?

Bài giải

.....
.....
.....

Bài 5: Mẹ có 50 quả cam, mẹ chia đều vào 5 túi. Hỏi mỗi túi có mấy quả cam?

Bài giải

.....
.....
.....

Bài 6: Có 40kg gạo chia vào các túi, mỗi túi 5kg. Hỏi chia được bao nhiêu túi?

Bài giải

.....
.....
.....

Bài 7: Một đường gấp khúc có năm đoạn dài bằng nhau đều bằng 3cm. Tính độ dài đường gấp khúc đó.

Bài giải

.....
.....
.....

Bài 8: Thừa số thứ nhất là số lớn nhất có một chữ số, thừa số thứ hai là số liền trước 6. Tìm tích hai số.

Bài giải

.....
.....
.....
.....

PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 1000

Bài 1: Đặt tính rồi tính

$125 + 332$

692 - 282

$$857 - 205$$

$$147 + 52$$

$257 + 603$

$$195 + 450$$

757 - 48

663 - 45

816 - 225

$$359 + 421$$

100 – 71

984 - 9

A large grid of graph paper. It features a bold border around the entire grid and a dashed midline running horizontally across the center. The grid is composed of small squares, with the bold border and dashed midline dividing it into three main sections.

$$48 + 302$$

435 - 294

598 - 201

365 - 256

A large grid of graph paper. It features a bold outer border and a dashed inner grid. The grid is composed of 20 columns and 10 rows of small squares. The bold border is 1 square thick on all sides. The inner dashed grid is 18 columns wide and 8 rows high, centered within the bold border.

Bài 2: Tính

$$315 + 245 - 120$$

$$828 - 75 + 210$$

$$671 - 232 + 124$$

$$457 - 218 + 624$$

$$544 + 139 - 46$$

$$710 - 300 + 45$$

$$34 \text{ cm} + 42 \text{ cm} - 75 \text{ cm}$$

$$34 \text{ kg} + 96 \text{ kg} - 46 \text{ kg}$$

Bài 3: Cây cau cao 210 cm. Cây cau cao hơn cây na 30 cm. Hỏi cây na cao bao nhiêu xăng- ti- mét?

Bài giải

.....
.....
.....

Bài 4: Mẹ có 156 quả cam. Mẹ biếu bà 38 quả. Hỏi mẹ còn lại bao nhiêu quả cam?

Bài giải

.....
.....
.....

Bài 5: Vườn cam có 246 cây. Vườn đào có nhiều hơn vườn cam 107 cây. Hỏi vườn đào có bao nhiêu cây ?

Bài giải

.....

.....

.....

Bài 6: Đàn vịt có 857 con. Đàn gà có ít hơn 264 con. Hỏi đàn gà có bao nhiêu con?

Bài giải

.....

.....

.....

Bài 7: Một bến xe có 215 ô tô, sau khi một số ô tô rời bến, trong bến còn lại 65 ô tô. Hỏi có bao nhiêu ô tô đã rời bến?

Bài giải

.....

.....

.....

Bài 8: Từ một bao ngô người ta lấy ra 15 kg ngô thì trong bao còn lại số ngô đúng bằng số ngô đã lấy ra. Hỏi lúc đầu trong bao có bao nhiêu ki-lô-gam ngô?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 9: Tìm hiệu của số bé nhất có ba chữ số với số bé nhất có hai chữ số.

Bài giải

.....

.....

.....
.....
Bài 10: Tổng của số lớn nhất có hai chữ số khác nhau và số bé nhất có ba chữ số giống nhau là:

Bài giải

.....
.....
.....
.....

ÔN TẬP VỀ ĐẠI LƯỢNG

Bài 1: Để đo chiều dài một cuốn sách, người ta thường sử dụng đơn vị ?

A. km B. m C. cm D. kg

Bài 2: Một bước chân của em dài khoảng

A. 3 km B. 3m C. 3dm D. 3cm

Bài 3: Chiều dài của cái bàn khoảng 12..... Tên đơn vị cần điền vào chỗ chấm là:

A. cm B. km C. dm D. m

Bài 4: Nếu thứ hai tuần này là ngày 15 tháng 1 thì thứ tư tuần sau sẽ là ngày nào?

A. 22 tháng 1 B. 23 tháng 1 C. 24 tháng 1 D. 25 tháng 1

Bài 5: Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) Bạn Lâm cao khoảng 120 dm. ☐ c) $18m + 17m = 35m$. ☐

b) Một bước chân của em dài khoảng 3m. ☐ d) $1000\text{ m} = 1\text{ km}$. ☐

Bài 6: Điền đơn vị thích hợp vào các Bài sau:

a) Độ dài cái bút mực của em khoảng 1

b) Một sợi tay của em dài khoảng 1.....

c) Quãng đường từ nhà em đến trường dài khoảng 1....

Bài 7: Điền số thích hợp vào chỗ chấm?

6 dm 4cm = cm

1m 5 cm =..... cm

700 cm = m

2 dm 2cm = 15cm +.....cm

5000 m = km

1 km 4m=..... m

$2\text{dm } 3\text{cm} = \dots\dots \text{cm}$

$2\text{m } 5\text{cm} = \dots\dots\text{cm}$

$3\text{m } 18\text{cm} = \dots\dots\text{cm}$

$6\text{dm } 12\text{cm} = \dots\dots\text{cm}$

Bài 8: Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm:

a) $54\text{ dm} + 25\text{ dm} \dots\dots 880\text{ cm} - 172\text{ cm}$ $2\text{m } 5\text{ cm} \dots\dots 300\text{ m}$

b) $590\text{ kg} + 110\text{ kg} \dots\dots 790\text{ kg} - 120\text{ kg}$

$8\text{ m và } 6\text{ dm} \dots\dots 81\text{ dm}$

$1\text{ km} \dots\dots 1000\text{ m}$

$6\text{ dm} \dots\dots 6\text{ cm}$

$3\text{m } 2\text{dm} \dots\dots 23\text{ dm}$

$1000\text{ cm} \dots\dots 1\text{m}$

$2\text{m } 16\text{ cm} \dots\dots 216\text{ cm}$

$3\text{km} \dots\dots 300\text{ m}$

Bài 9: Con lợn rừng cân nặng 231kg. Con hổ nặng hơn con lợn rừng 145kg . Hỏi con hổ cân nặng bao nhiêu ki - lô - gam?

Bài giải

.....
.....
.....

Bài 10: Cây cau cao 190 cm. Cây cau cao hơn cây na 30 cm. Hỏi cây na cao bao nhiêu xăng- ti- mét?

Bài giải

.....
.....
.....

ÔN TẬP VỀ NGÀY THÁNG

Bài 1: Khoanh vào đáp án đúng

Bài 1: Ngày 14 tháng 4 là thứ tư. Hỏi ngày 22 tháng 4 của cùng năm đó là thứ mấy?

- A. Thứ hai B. Thứ ba C. Thứ tư D. Thứ năm

Bài 2: Thứ năm tuần này là ngày 10 tháng 5. Hỏi thứ năm tuần sau là ngày bao nhiêu tháng 5?

- A. 9 B. 17 C. 3 D. 15

Bài 3: Nếu thứ 6 tuần này là 26 tháng 2. Thì thứ 5 tuần trước là ngày ... tháng 2?

- A. 17 B. 18 C. 19 D. 20

Bài 4: Tuần này thứ hai là ngày 15 tháng 7. Vậy thứ năm tuần này là ngày bao nhiêu ?

A. ngày 18 B. ngày 17 C. ngày 16 D. ngày 15

Bài 5: Thứ tư tuần này là ngày 12 tháng 4. Thứ tư tuần trước là ngày tháng 4:

A. ngày 10 B. ngày 11 C. ngày 5 D. ngày 6

Bài 6: Tháng 5 có bao nhiêu ngày?

A. 30 ngày B. 31 ngày C. 28 ngày D. 29 ngày

Bài 7: Hôm nay là thứ Sáu ngày 24 tháng 7; 3 ngày trước là sinh nhật mẹ Chi. Vậy sinh nhật mẹ Chi vào thứ:

A. thứ Hai B. thứ Ba C. thứ Tư D. thứ Năm

Bài 8: Bố được nghỉ phép 1 chục ngày, bố đã nghỉ hết 7 ngày. Hỏi bố còn được nghỉ mấy ngày nữa?

A. 10 ngày B. 17 ngày C. 3 ngày D. 7 ngày

Bài 9: Những tháng có 30 ngày là :

A. 1,3,5,7,9 B. 2,3,6,8 C. 4,6,9,11 D. 3,6,8,11

Bài 10: Tháng nào trong năm có ít hơn 30 hoặc 31 ngày ?

A. Tháng 5 B. Tháng 2 C. Tháng 7 D. Tháng 8

Bài 11: Điền số thích hợp vào chỗ chấm

a. Hôm nay là thứ Tư ngày 23 tháng 4. Vậy:

- Ngày mai là..... ngày tháng
- Hôm qua là ngày tháng
- Thứ Tư tuần trước là ngày tháng
- Thứ Tư tuần sau là ngày tháng

b. Hôm qua là thứ Tư ngày 3 tháng 6

- Hôm nay là thứ ngày tháng
- Ngày mai là ngày tháng
- Ngày Quốc tế thiếu nhi là thứ ngày tháng
- Thứ Tư tuần sau là ngày tháng

c. Ngày mai là thứ sáu ngày 25 tháng 3

- Hôm nay là ngày tháng
- Hôm qua là ngày tháng
- Thứ hai tuần sau là ngày tháng

ÔN TẬP VỀ XEM GIỜ

Bài 1: Đồng hồ chỉ mấy giờ?



A. 14 giờ

B. 2 giờ 30 phút

C. 6 giờ 3 phút

D. 6 giờ 15 phút

Bài 2: Đồng hồ chỉ mấy giờ?

A. 4 giờ 12 phút

B. 12 giờ 4 phút

C. 16 giờ

D. 4 giờ 30 phút



Bài 3: Em ăn cơm trưa lúc:

A. 11 giờ 15 phút

B. 3 giờ 15 phút

C. 3 giờ 11 phút

D. 11 giờ 3 phút



Bài 4: Phương ngủ dậy lúc 6 giờ 15 phút, Ngân ngủ dậy lúc 6 giờ. Ai ngủ dậy muộn hơn?

A. Ngân

B. Phương

Bài 5: Viết tiếp vào chỗ chấm:



15 giờ hay 3 giờ chiều.



20 giờ hay . . . giờ tối.

Bài 6: Những đồng hồ dưới đây chỉ mấy giờ?



.....

.....

.....

.....

Bài 7. Nói mỗi Bài với đồng hồ thích hợp:

Hoa cùng cô giáo và các bạn đến vườn thú lúc 8 giờ.



Hoa cùng cô giáo và các bạn đến chuồng ngựa lúc 8 giờ 15 phút.



Hoa cùng cô giáo và các bạn đến chuồng hổ lúc 9 giờ 30 phút.



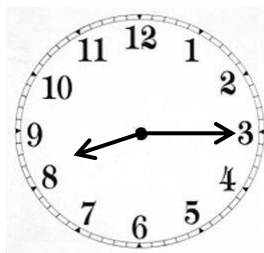
Hoa cùng cô giáo và các bạn ra về lúc 11 giờ 30 phút.



Bài 8:

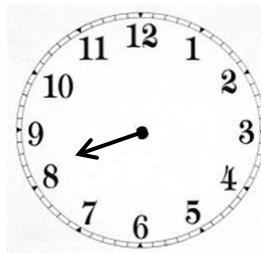
a) Đồng A hồ chỉ giờ phút

A



b) Vẽ thêm kim phút để đồng hồ B chỉ 8 giờ 30 phút.

B



Bài 9: Nói đồng hồ với cách đọc tương ứng



4 giờ 15 phút

8 giờ rưỡi

13 giờ 30 phút

15 giờ

Bài 10: Cùng đi một quãng đường như nhau, anh Hòa đi hết 50 phút, anh Tùng đi hết 1 giờ, anh Bình đi hết 65 phút. Hỏi ai đi nhanh nhất?

A. Anh Hòa

B. Anh Tùng

c. Anh Bình

Bài 11: Điền số thích hợp?

a) Một ngày có ... giờ, được tính từ ... giờ đêm hôm trước đến ... giờ đêm hôm sau.

b) Sáng: Từ ... giờ sáng đến ... giờ sáng

Trưa: Từ ... giờ trưa đến ... giờ trưa

Chiều: Từ ... đến ... giờ chiều; hay từ ... giờ đến ... giờ

Tối: Từ ... giờ tối đến ... giờ tối; hay từ ... giờ đến ... giờ

Đêm: Từ ... giờ đêm đến ... giờ đêm; hay từ ... giờ đến ... giờ.

Bài 12: Số:

a) Lúc 15 giờ kim giờ chỉ vào số ...

b) Lúc 17 giờ kim giờ chỉ vào số ...

c) Lúc 24 giờ kim giờ chỉ vào số ...

Bài 13: Ô tô chạy từ tỉnh A lúc 11 giờ trưa và đến tỉnh B lúc 1 giờ chiều cùng ngày. Hỏi ô tô chạy từ tỉnh A đến tỉnh B hết mấy giờ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 14: Một xe đi từ A lúc 10 giờ sáng và đến B lúc 5 giờ chiều cùng ngày. Hỏi thời gian xe đi từ A đến B là bao nhiêu giờ.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

Bài 15: Mẹ đi công tác xa trong hai tuần. Mẹ đi hôm thứ hai ngày mùng 3. Hỏi đến ngày mấy của tháng đó mẹ sẽ về? Ngày ấy là thứ mấy trong tuần?

.....

.....

.....

.....

Bài 16: Thứ hai tuần này là ngày 8 tháng 4. Hỏi thứ ba tuần sau là ngày nào?

.....

.....

Bài 17: Bác An đi 14km từ nhà đến huyện, sau đó bác đi tiếp 18 km để đến thành phố. Hỏi Bác An đã đi đoạn đường dài bao nhiêu ki-lô-mét?

Bài giải

.....

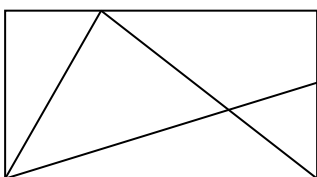
.....

.....

.....

ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC

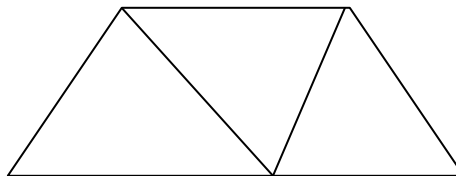
Bài 1: Hình vẽ dưới đây có hình tam giác ?



Bài 2: Vẽ đoạn thẳng AB có độ dài 1dm.

Bài 3: Hình bên có số hình tứ giác là:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4



Bài 4: Khoanh vào chữ đặt trước ý trả lời đúng :

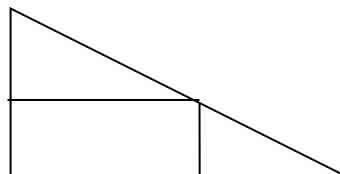
Hình vẽ bên

a) Có mấy hình tam giác ?

- A. 2 B. 3 C. 4

b) Có mấy hình tứ giác ?

- A. 2 B. 3 C. 4

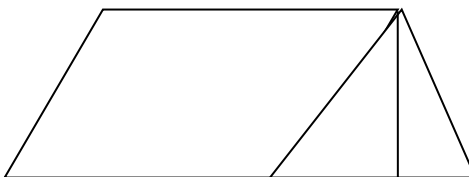


Bài 5 : Hình sau có :

A. 3 tứ giác

B. 4 tứ giác

C. 5 tứ giác



Bài 6:

Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Hình vẽ bên:

Có hình vuông

Có hình chữ nhật



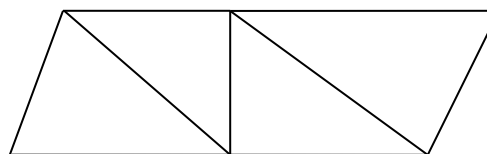
Bài 7:

Số hình tam giác có trong hình bên là:

A. 3 hình

B. 4 hình

C. 5 hình

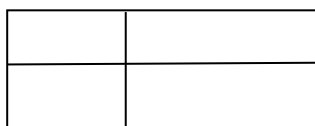


Bài 8: Trong hình vẽ bên có số hình chữ nhật là:

A. 4 hình

B. 6 hình

C. 9 hình

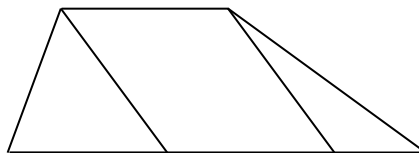


Bài 9: Số hình tứ giác có trong hình bên là:

A. 2 hình

B. 3 hình

C. 4 hình



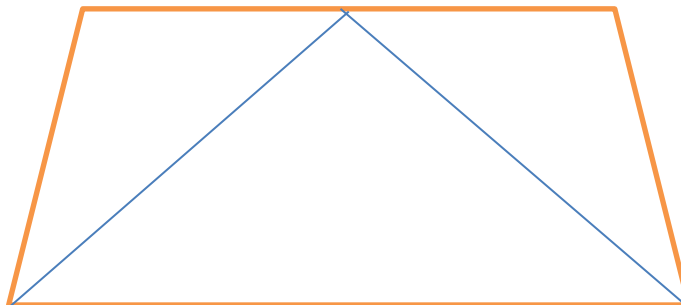
Bài 10: Hình vẽ có

.....tam giác

.....tứ giác

.....điểm

.....đoạn thẳng

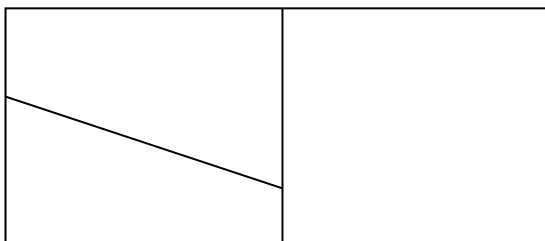


Bài 11: Hình vẽ có

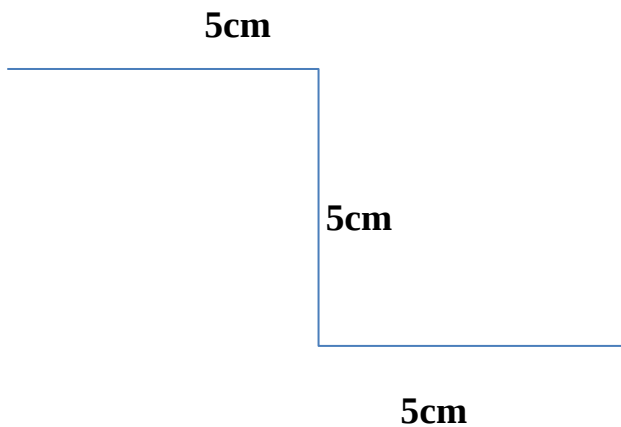
.....tứ giác

.....điểm

.....đoạn thẳng



Bài 12: Tính độ dài đường gấp khúc sau:



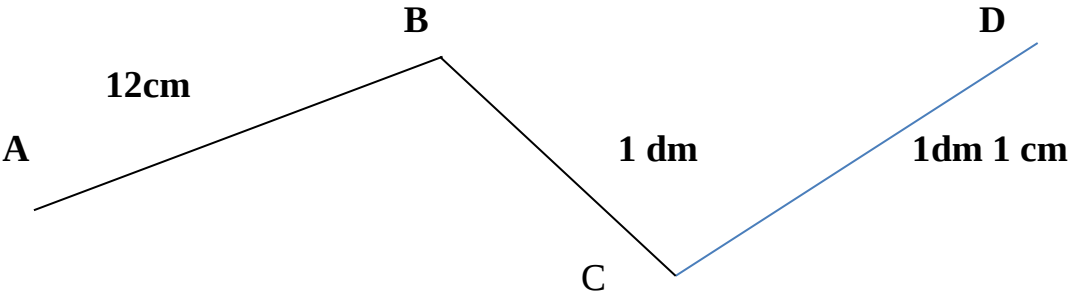
Bài giải

.....

.....

.....

Bài 13: Tính độ dài đường gấp khúc ABCD sau:



Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 14 : Đoạn thẳng AB dài 34 dm, đoạn thẳng CD ngắn hơn đoạn thẳng AB 18dm. Hỏi đoạn thẳng CD dài bao nhiêu đề-xi-mét?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....**Bài 15 :** Đoạn thẳng AB dài 48cm, đoạn thẳng CD dài hơn đoạn thẳng AB 15 cm. Hỏi đoạn thẳng CD dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

.....

.....

.....

.....

Bài 16 : Giải bài toán theo tóm tắt sau :

Đoạn thẳng MN dài : 4 dm
Đoạn thẳng PQ dài : 24 cm

Hỏi cả hai đoạn thẳng dài : xăng-ti-mét ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

Bài 17: Tính độ dài đường gấp khúc ABCD có độ dài các đoạn thẳng lần lượt là 2dm, 24cm, 35cm.

Bài giải

.....

.....

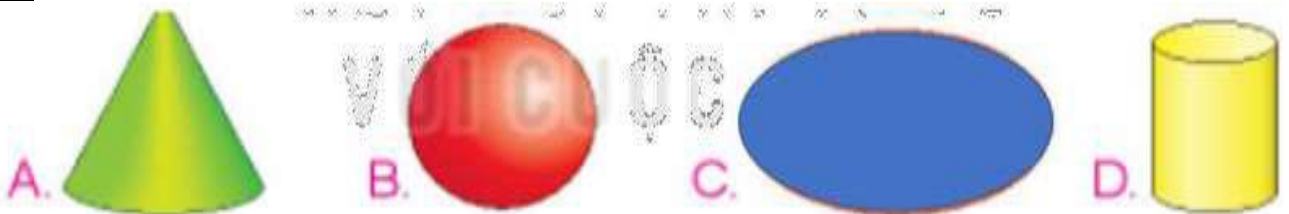
.....

.....

.....

ÔN TẬP VỀ HÌNH KHỐI

Bài 1. Hình nào là khối trụ?



Bài 2. Hình nào là khối cầu?



Bài 3. Hòn bi ve có dạng khối gì?

A. Khối cầu

B. Khối trụ

C. Khối lập phương

D. Khối hộp chữ nhật



Bài 4: Mỗi đồ vật sau thuộc hình khối gì?



Khối lập phương

Khối trụ

Khối cầu

Khối hộp chữ nhật

Bài 5: Quan sát tranh và hoàn thành yêu cầu:



.....đồ vật có hình khối hộp chữ nhật

.... đồ vật có hình khối cầu

..... đồ vật có hình khối trụ

..... đồ vật có hình khối lập phương.

ÔN TẬP VỀ KIỂM Đếm SỐ LIỆU VÀ LỰA CHỌN KHẢ NĂNG

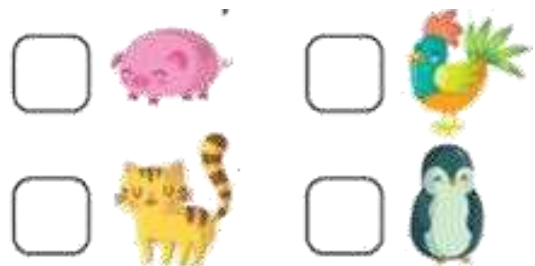
Bài 1. Quan sát biểu đồ tranh và trả lời các Bài hỏi:

MÔN THỂ THAO YÊU THÍCH CỦA CÁC BẠN HỌC SINH LỚP 2A

Đá cầu 	 
Bóng đá 	       
Bóng rổ 	     
Bơi lội 	   

- a) Môn thể thao được nhiều bạn yêu thích nhất là:
- b) Môn bơi lội được bạn yêu thích.
- c) Môn bóng rổ có số lượng bạn yêu thích nhiều hơn môn đá cầu là bạn.

Bài 2. Quan sát, đếm và ghi số liệu tương ứng vào ô trống:



- Con vật có số lượng nhiều nhất là:
- Con vật có số lượng ít nhất là:
- Chim cánh cụt + gà = con.

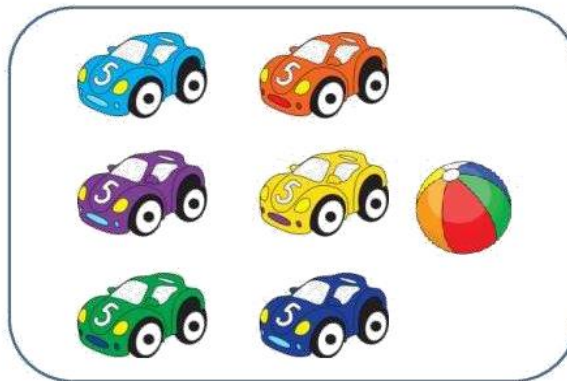
Bài 3. Chọn từ “Chắc chắn, có thể, không thể” vào chỗ trống cho phù hợp.

a. Mai có một số táo như dưới hình. Nếu không nhìn để lấy một quả:



- Khả năng Mai lấy được một quả táo là _____.
- Khả năng Mai lấy được một quả chuối là _____.

b. Túi có một số đồ chơi như dưới hình. Nếu không nhìn để lấy một đồ chơi:



- Khả năng Tùng lấy được một chiếc ô tô là _____.
- Khả năng Tùng lấy được một quả bóng là _____.
- Khả năng Tùng lấy được một con gấu bông là _____.

Bài 4: Bạn Hùng lấy ra trong thùng đồ chơi một món đồ. Đúng ghi Đ, sai ghi S

- Hùng chắc chắn lấy ra được chú gấu bông.
- Hùng có thể lấy ra được quả bóng.
- Hùng có thể lấy ra được chú khủng long xanh.
- Hùng không thể lấy ra được cái đàn.



Bài 5. Chọn đáp án đúng

Bình quay một vòng xoay có các số từ 1 đến 6 như hình dưới đây. Khi con trỏ dừng lại (không có trường hợp con trỏ dừng chính giữa 2 số) thì:



a. Khả năng con trỏ **có thể** dừng lại ở:

Số 5

Số 2

Số 9

b. Khả năng con trỏ **không thể** dừng lại ở:

Số 1

Số 0

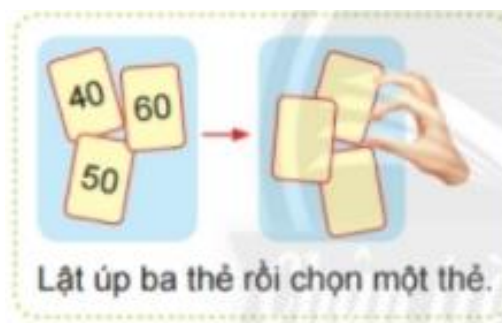
Số 7

c. Khả năng con trỏ **chắc chắn** dừng lại ở:

1 trong các số từ 1 đến 6

1 trong các số từ 3 đến 6

Bài 6. Chọn từ : Có thể, chắc chắn hay không thể điền vào chỗ chấm ?



a) Thẻ được chọn có số tròn chục.

b) Thẻ được chọn có số 70.

c) Thẻ được chọn có số 50.

Bài 7: Trong hộp có 2 quả bóng xanh và 1 quả bóng đỏ. Nam nhắm mắt và lấy ra 2 quả bóng ở trong hộp. Hỏi khả năng cả 2 quả bóng Nam lấy ra đều là bóng màu xanh là có thể, không thể hay chắc chắn xảy ra ?

A. Không thể B. Có thể C. Chắc chắn D. Có thể có và có thể không

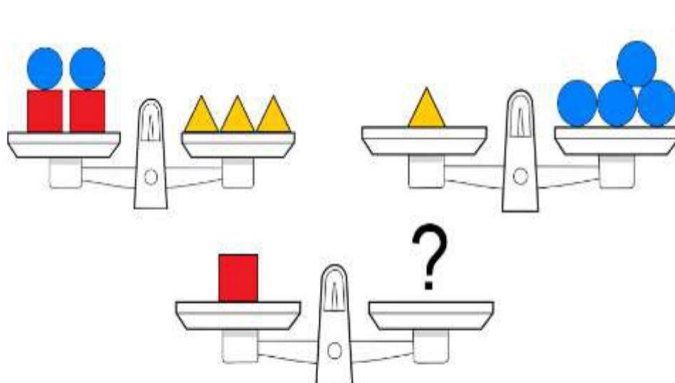
Bài 8: Hãy chọn từ **chắc chắn**, **có thể** hoặc **không thể** điền vào chỗ chấm cho phù hợp

- Nếu em không ôn bài kĩem sẽ không đạt điểm cao trong kì thi sắp tới.
- Bầu trời âm u,trời sắp mưa.
- Em bélấy quyển truyện trên giá sách cao.

Bài 93: Đánh dấu vào ô trống thích hợp để diễn tả khả năng xảy ra khi gieo một viên xúc xắc

	Khả năng xảy ra	Chắc chắn	Có thể	Không thể
	a. Xuất hiện mặt 1 chấm			
	b. Xuất hiện mặt 6 chấm			
	c. Xuất hiện mặt 8 chấm			
	d. Xuất hiện mặt có số chấm lớn hơn 3			
	e. Xuất hiện mặt có số chấm nhỏ hơn 7			
	f. Xuất hiện mặt có số chấm lớn hơn 7			

Bài 10: Hình cân điền vào dấu hỏi chấm là:



- a. 
- b. 
- c. 
- d. 

ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

ĐỀ 1

A. Đọc: Đọc bài văn sau và làm theo yêu cầu:

Mạo hiểm

Có hai hạt giống nằm cạnh nhau trên mảnh đất mùa xuân màu mỡ. Hạt thứ nhất nói:

- Tôi muốn mọc thành cây. Tôi muốn đâm rễ sâu xuống đất, vươn mầm lên cao, nhú chồi non đón mùa xuân đang đến. Tôi ao ước được đón ánh mặt trời mơn man trên lá và những giọt sương long lanh đọng lại trên hoa.

Thế là hạt thứ nhất vươn mình một cách mạnh mẽ và đầy quyết tâm, bất chấp mọi trở ngại. Hạt thứ hai nói:

- Tôi sợ lắm. Tôi sợ đối diện với bóng tối khi rễ của tôi đâm xuống đất. Tôi sợ làm tổn thương những mầm non yếu ớt của tôi khi vươn mình lên khỏi mặt đất cứng này. Tôi sợ lũ ốc sên sẽ ngấu nghiến đám chồi non của tôi mất. Tôi sợ lũ con nít sẽ ngắt hoa khi tôi vừa mới nở. Không, tôi sẽ nằm đây cho an toàn.

Thế là hạt thứ hai tiếp tục đợi. Một con gà mái bới đất tìm món điếm tâm, nó tóm ngay hạt thứ hai và nuốt trôi.

Theo Hạt giống tâm hồn

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Hai hạt mầm đã trao đổi với nhau về vấn đề gì?

- A. Hai hạt mầm nói sẽ cùng nhau đi đến một mảnh đất màu mỡ hơn.
- B. Hai hạt mầm trao đổi với nhau về việc muốn mọc thành cây.
- C. Hai hạt mầm trao đổi với nhau về cách hút chất dinh dưỡng dưới lòng đất.
- D. Hai hạt mầm trao đổi với nhau về việc sẽ sinh ra các hạt mầm nhỏ bé tiếp theo.

Câu 2. Hạt mầm thứ nhất suy nghĩ điều gì khi vươn mình lên mặt đất?

- A. Muốn mọc thành cây, đâm rễ xuống đất, đón ánh mặt trời và sợ tổn thương chồi non.
- B. Muốn mọc thành cây, vươn mầm nhú chồi non và sợ lũ ốc.
- C. Muốn mọc thành cây, sợ lũ ốc, sợ đất cứng, sợ lũ trẻ ngắt hoa.
- D. Muốn mọc thành cây, đâm rễ xuống đất, vươn mầm và nhú chồi non.

Câu 3. Cặp từ nào tượng trưng cho suy nghĩ của hai hạt mầm?

- A. Tích cực – tiêu cực
- B. Quyết tâm – lo lắng
- C. Cố gắng – nhút nhát
- D. Hành động – nản chí

Câu 4. Sau khi chờ đợi, kết quả hạt mầm thứ hai nhận được là gì?

- A. Hạt mầm thứ hai bị kiến tha đi.
- B. Trở thành một cây mầm tươi đẹp.
- C. Hạt mầm thứ hai bị gà ăn.
- D. Trở thành một cây mầm bị thối.

Câu 5. Qua câu chuyện trên em học được điều gì từ hạt mầm thứ nhất?

.....

.....

ĐỀ 2

VỀ ĐẸP HOA BAN TÂY BẮC

Hoa ban nở rộ vào dịp tháng hai, tháng ba dương lịch. Những cơn mưa xuân như đánh thức cả rừng hoa ban sau một giấc ngủ dài. Cây ban như loại cây sim sống bền bỉ. Trên đồi cần cỗi, cỏ tranh khô héo nhưng cây ban vẫn xanh tươi. Hoa ban năm cánh trắng, phơn phớt hồng tím, nhụy ban rất ngọt, các loài ong rất ưa thích. Cánh hoa ban vừa ngọt, vừa bùi, người Thái thường lấy về đồ chín trộn với giấm, vừng thành một món nộm, ăn rất lạ.

Lá ban hình móng bò, người Thái bảo hình “đôi trái tim ghép lại”. Quả ban giống như quả bồ kết, hạt già đồ chín ăn ngon như hạt đậu. Người Thái rất yêu hoa

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Bài văn nói về loài hoa nào của Tây Bắc?

A. Hoa lan

B. Hoa đào

C. Hoa ban

Câu 2. Vẻ đẹp của hoa ban được miêu tả như thế nào?

A. Hoa ban năm cánh hồng phơn phớt, cánh hoa ban vừa ngọt vừa bùi.

B. Hoa ban năm cánh tím, phơn phớt trắng hồng, nhụy ban bùi và ngọt.

C. Hoa ban năm cánh trắng, phơn phớt hồng tím, nhụy ban rất ngọt.

Câu 3. Hoa ban có mùi vị như thế nào?

A. Vừa ngọt, vừa bùi.

B. Vừa chua, vừa ngọt.

C. Vừa bùi, vừa ngậy.

Câu 4. Câu nào nêu lên sức sống mãnh liệt của cây hoa ban?

A. Hoa ban nở rộ vào dịp tháng hai, tháng ba dương lịch.

B. Sống bền bỉ, trên đất đồi cần cỗi, cây ban vẫn xanh tươi.

C. Hoa ban là ước mơ trẻ mãi không già.

Câu 5. Hoa ban tượng trưng cho điều gì?

.....
.....

Câu 6. Em yêu quý loài hoa nào? Vì sao?

.....
.....

ĐỀ 3

Tình thương của Bác

Đêm giao thừa năm ấy, Bác Hồ đến thăm một gia đình lao động nghèo ở Hà Nội. Anh cán bộ đến trước nói với chị Chín:

- Chị ở nhà, có khách đến thăm tết đấy!

Lát sau, Bác bước vào nhà. Chị Chín sững sốt nhìn Bác. Mấy cháu nhỏ kêu lên “Bác Hồ, Bác Hồ!” rồi chạy lại quanh Bác. Lúc này chị Chín mới chợt tỉnh, vội chạy lại ôm choàng lấy Bác, khóc nức nở. Chờ cho chị bớt xúc động, Người an ủi: “Năm mới sắp đến, Bác đến thăm nhà, sao thím lại khóc?”.

Tuy cố nén nhưng chị Chín vẫn thổn thức, nói: “Có bao giờ... có bao giờ Chủ tịch nước lại tới thăm nhà chúng con. Được thấy Bác đến nhà, con cảm động quá!”.

Bác trìu mến nhìn chị Chín và các cháu rồi nói:

- Bác không thăm những người như mẹ con thím còn thăm ai.

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Bác Hồ đến thăm nhà chị Chín khi nào?

A. Buổi sáng.

C. Buổi trưa.

B. Buổi tối.

D. Đêm giao thừa.

Câu 2: Lúc mới bước vào nhà, thái độ của chị Chín như thế nào?

A. Sững sốt

B. Chợt tỉnh

C. Xúc động

D. Không quan tâm

Câu 3: Vì sao khi gặp được Bác, chị Chín lại khóc nức nở?

A. Vì chị thấy nhà mình còn nghèo khổ quá.

B. Vì chị quá cảm động khi Bác đến thăm nhà.

C. Vì chị thấy Bác Hồ thương mẹ con chị quá.

D. Vì chị buồn.

Câu 4: Bài đọc cho thấy tình cảm của Bác Hồ với người dân như thế nào?

.....
.....

ĐỀ 4

Cậu bé thợ nề

Cậu bé thợ nề hôm nay đến chơi nhà chúng tôi. Cậu mặc chiếc áo vét cắt lại từ cái áo cũ của bố và còn dính lại những vết vôi và thạch cao.

Chúng tôi cùng nhau chơi trò xây dựng. **Cậu bé thợ** nề ấy khéo léo lạ lùng khi dựng lên những ngọn tháp và những chiếc cầu đứng vững như có phép nhiệm màu nào đó. Cậu xây những công trình ấy với vẻ nghiêm túc và nhẫn nại. Xây tháp này xong, cậu lại xây tháp khác. Vừa xây, cậu vừa nói chuyện với tôi về gia đình mình ...

Đến bốn giờ, chúng tôi được ăn chiều. Khi chúng tôi ăn xong đứng dậy, không hiểu tại sao bố lại không muốn tôi phải sạch vết vôi trắng mà cái áo của **cậu bé thợ** nề đã để đầy trên lưng ghế, bố giữ tay tôi lại, và mãi về sau mới tự mình phải lấy một cách kín đáo.

“Con có biết tại sao bố không muốn con phải cái ghế khi bạn con còn đấy không? – Bố hỏi tôi, – Bởi vì như vậy thì khác nào trách cậu ấy đã làm bẩn ghế. Mà bạn con không cố ý làm điều đó... Những dấu vết của lao động bao giờ cũng đáng tôn trọng.

(Những tấm lòng cao cả – Edmondo De Amicis)

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Hai người bạn nhỏ cùng chơi trò gì?

- | | |
|----------------------|---------------------|
| A. Chơi trò nấu bếp | B. Chơi trò bác sĩ |
| C. Chơi trò xây dựng | D. Chơi trò mua sắm |

Câu 2: Chọn từ ngữ nói về cậu bé thợ nề khi chơi cùng bạn nhỏ.

- | | |
|---------------|-------------|
| A. Khéo léo | B. Kín đáo |
| B. Hiếu thắng | D. Cẩn thận |

Câu 3: Khi cậu bé thợ nề làm bẩn ghế, người bố đã có hành động gì?

- A. Trách cậu bé thợ nề.
- B. Tự mình lau ghế ngay lập tức.
- C. Ngăn nhân vật “tôi” lau ghế và sau đó tự lau một cách kín đáo.
- D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 4. Qua câu chuyện trên, em rút ra những bài học nào cho bản thân về cách đối xử với bạn bè và những người xung quanh?

.....

.....

ĐỀ 5

Sóc và Thỏ đi tắm nắng

Một ngày nắng đẹp, chú Sóc đi dạo trên bờ sông và thấy bên kia sông có một chú Thỏ cũng đang đi dạo chơi.

Sóc tính nghịch, nhặt một viên sỏi to ném về phía Thỏ. Viên sỏi rơi xuống nước gần nơi Thỏ đứng làm nước bắn lên tung tóe vào mặt và người Thỏ. Chú Thỏ giận quá, cúi đầu nhặt viên đá ném trả lại bên Sóc. Đá cũng rơi xuống nước và Sóc cũng bị ướt như Thỏ.

Lần này đến lượt Sóc tức giận. Sóc lượm một viên sỏi lớn hơn và ném qua bên Thỏ. Cứ thế, chú Sóc và chú Thỏ ném qua ném lại tới khi cả hai cùng mệt nhoài. Sau cùng, Sóc nói với Thỏ:

- Thôi chúng ta đừng ném nhau nữa nhé! Nếu cứ ném như vậy lỡ mà ném vào đầu hoặc vào trán thì đau lắm đấy!

Thỏ chạy qua cầu và chìa tay ra nói:

- Vậy thì mình làm bạn với nhau nhé! Chúng ta cùng nhau đi tắm nắng và xem hoa thì vui lắm bạn nhỉ?

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Câu chuyện diễn ra khi nào? Ở đâu?

- A. Vào một ngày nắng đẹp, bên bờ sông.
- B. Vào một ngày mưa, trong rừng sâu
- C. Vào một ngày mưa, bên bờ sông.
- D. Vào một ngày nắng đẹp, trong nhà.

Câu 2 : Vì sao Sóc lại làm lạnh trước với Thỏ?

- A. Vì Sóc bị Thỏ ném đá vào chân.
- B. Vì Sóc sợ hai bạn ném vào đầu hoặc vào trán thì rất đau.
- C. Vì Sóc thấy bạn bị đau nên xin lỗi và làm lạnh với Thỏ trước.
- D. Vì Sóc thấy Thỏ khóc nên làm lạnh với Thỏ trước.

Câu 3: Chi tiết nào cho thấy Thỏ là một người bạn tốt?

- A. Khi Sóc làm lạnh, Thỏ quay người bỏ đi và không trách mắng Sóc.
- B. Khi bị Sóc ném đá, Thỏ không ném lại vì sợ bạn bị đau.
- C. Khi Sóc làm lạnh, Thỏ chạy qua cầu, chìa tay ra và chủ động kết bạn với Sóc.
- D. Thỏ cầm đá ném lại Sóc.

Câu 4: Qua câu chuyện, em học được điều gì?

.....

ĐỀ 6

Sự tích sông hồ ở Tây Nguyên

Ngày xưa, muông thú còn sống thành buôn làng, quanh một cái hồ lớn. Cuộc sống thật là tươi vui, đầm ấm.

Rồi một hôm, Cá Sấu mò đến, chiếm luôn cái hồ. Cảnh hồ trở nên vắng lặng. Già làng Voi tức lắm, liền bảo dân làng cùng đánh đuổi Cá Sấu.

Trong một trận đánh, già làng Voi nhử được Cá Sấu ra xa hồ nước. Cá Sấu khát quá, cố chạy trở lại hồ. Nhưng đã muộn, lúc này cả làng xúm lại, vây kín mặt hồ. Muông thú các nơi cũng kéo gỗ lát đường, băng qua bãi lầy, đến bên hồ trợ giúp. Cá sấu không được uống nước để lấy thêm sức mạnh, nó bị già làng Voi đánh quỵ.

Ngày nay, khắp núi rừng Tây Nguyên đâu đâu cũng có sông hồ. Dân làng bảo: những dấu chân của già làng Voi đánh nhau với Cá Sấu tạo thành hồ. Còn những dấu vết kéo gỗ ngang dọc hóa thành sông suối.

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Già làng Voi tức giận điều gì?

- A. Cá Sấu đến phá cuộc sống của buôn làng.
- B. Cá Sấu đến chiếm hồ nước của buôn làng.
- C. Cá Sấu đến uống nước ở hồ nước.

Câu 2: Già làng Voi làm gì để đánh Cá Sấu?

- A. Nhử Cá Sấu lên bờ để dân làng dễ dàng đánh bại.
- B. Nhử Cá Sấu ra xa hồ nước để dễ dàng đánh bại.
- C. Nhử Cá Sấu ra đến bãi lầy để dễ dàng đánh bại.

Câu 3: Theo dân làng, sông hồ ở Tây Nguyên do đâu mà có?

- A. Do dấu chân già làng Voi và vết kéo gỗ tạo thành.
- B. Do dấu chân Cá Sấu và dấu vết trận đánh tạo thành.
- C. Do dấu chân dân làng và chân muông thú tạo thành.

Câu 4: Câu: “ *Cá Sấu mò đến, chiếm luôn cái hồ* ” thuộc kiểu câu gì?

- A. Câu nêu hoạt động
- B. Câu nêu đặc điểm
- C. Câu giới thiệu

Câu 5: Hãy viết 1 câu nói về Già làng voi trong bài:

.....

Câu 6: Ngày nay khắp núi rừng Tây Nguyên đâu đâu cũng có cái gì?

- A. Sông hồ.
- B. Ao hồ.
- C. Kênh rạch

ĐỀ 7

Món quà hạnh phúc

Trong khu rừng kia có những chú thỏ con với cặp mắt hồng long lánh lánh như hai viên ngọc, đôi tai dài và cái đuôi cộc quây quần bên Thỏ Mẹ. Thỏ Mẹ làm việc quần quật suốt ngày để nuôi đàn con. Thấy mẹ vất vả, chúng rất yêu thương và vâng lời mẹ.

Những chú thỏ con bàn nhau làm một món quà tặng mẹ. Chúng sẽ cùng làm một chiếc khăn trải bàn trắng tinh, được tô điểm bằng những bông hoa đủ màu sắc. Góc khăn là dòng chữ “*Kính chúc mẹ vui, khỏe*” được thêu nắn nót bằng sợi chỉ vàng.

Tết đến, những chú thỏ con đem tặng mẹ món quà. Thỏ Mẹ rất bất ngờ và cảm động khi nhận được món quà do chính tay các con bé bỏng làm tặng. Nó cảm thấy mình thật hạnh phúc, Thỏ Mẹ thấy những mệt nhọc, vất vả như bay biến mất.

Theo Chuyện của mùa hạ

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Từ ngữ diễn tả sự vất vả của Thỏ Mẹ:

- A. yêu thương và vâng lời
- B. quây quần bên Thỏ Mẹ
- C. làm việc quần quật suốt ngày.

Câu 2. Để tỏ lòng biết ơn và thương yêu mẹ, bày tỏ con đã:

- A. Hái tặng mẹ những bông hoa đẹp
- B. Tự tay làm khăn trải bàn tặng mẹ
- C. Đan tặng mẹ một chiếc khăn quàng.

Câu 3. Thỏ mẹ cảm thấy hạnh phúc vì:

- A. Các con chăm ngoan, hiếu thảo
- B. Được tặng món quà mà mình thích
- C. Được nghỉ ngơi nhân dịp Tết đến.

Câu 4. Nếu em là Thỏ mẹ, em sẽ nói gì với những chú thỏ con của mình sau khi nhận được món quà?

.....
.....
.....

ĐỀ 8

CON BÚP BÊ VẢI

Ngày sinh nhật Thủy, mẹ đưa Thủy ra phố đồ chơi. Mẹ bảo Thủy chọn một thứ đồ chơi em thích nhất. Đi dọc gần hết phố bán đồ chơi, cô bé nhìn hoa cả mắt, vẫn không biết nên mua gì vì thứ nào em cũng thích. Đến cuối phố, thấy một bà cụ tóc bạc ngồi bán những con búp bê bằng vải giữa trời giá lạnh, Thủy kéo tay mẹ dừng lại. Bà cụ nhìn hai mẹ con Thủy, cười hiền hậu:

- Cháu mua búp bê cho bà đi!

Thủy nhìn bà, rồi chỉ vào con búp bê được khâu bằng mụn vải xanh, mặt độn bông, hai mắt được chấm mực không đều nhau:

- Mẹ mua con búp bê này đi!

Trên đường về, mẹ hỏi Thủy:

- Sao con lại mua con búp bê này?

Thủy cười:

- Vì con thương bà. Bà già bằng bà nội, mẹ nhỉ? Trời lạnh thế mà bà không được ở nhà. Con mua búp bê cho bà vui!

Theo Vũ Nhật Chương

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Ngày sinh nhật Thủy, mẹ cùng Thủy đi phố đồ chơi để làm gì?

- a. Để Thủy được nhìn ngắm đồ chơi
- b. Để Thủy được chọn mua búp bê vải
- c. Để Thủy chọn mua đồ chơi em thích nhất

Câu 2. Con búp bê vải mà Thủy mua của bà cụ có đặc điểm gì?

- a. Khâu bằng mụn vải xanh, mặt độn bông, hai mắt đẹp long lanh
- b. Khâu bằng vải xa tanh, mặt độn bông tai, hai mắt rất đẹp
- c. Khâu bằng mụn vải xanh, mặt độn bông, hai mắt chấm mực không đều nhau

Câu 3. Vì sao Thủy mua ngay con búp bê đó?

- a. Vì em thấy con búp bê ấy đẹp nhất trên phố
- b. Vì đó là món quà mà Thủy mơ ước từ lâu
- c. Vì em thương bà cụ bán hàng dưới trời giá lạnh

Câu 4. Câu “Thủy kéo tay mẹ dừng lại.” được cấu tạo theo kiểu nào đã học?

- a. Câu giới thiệu
- b. Câu nêu hoạt động
- c. Câu nêu đặc điểm

câu 5. Gạch chân dưới từ chỉ sự vật trong câu sau:

Bà cụ tóc bạc ngồi bán những con búp bê bằng vải ở cuối phố.

Câu 6. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ chấm để được câu văn nêu đặc điểm:

Con búp bê.....

ĐỀ 9

CHÚ TRỐNG CHOAI

- Kéc ! Kè ! Ke ! e...e !

Các bạn có nghe thấy tiếng gì đó không? Chính là tiếng hát của Trống Choai đấy. Chú ta đang ngất ngưỡng trên đồng củi ở góc sân kia kìa. Bây giờ, đuôi chú đã có dáng cong cong chứ không thẳng đuồn đuột như hồi còn nhỏ nữa. Bộ cánh cũng có duyên lắm rồi. Đôi cánh chưa được cứng cáp, nhưng cũng đủ sức giúp chú phóc một cái nhảy tót lên đồng củi gọn gàng hơn trước nhiều. Mỗi lần chú ta nhảy phóc lên đứng ở cành chanh, dù mới chỉ ở cành thấp thôi, lũ gà Chiếp em út lại kháo nhỏ với nhau : “Tuyệt ! Tuyệt ! Tuyệt !”, tỏ vẻ thán phục lắm.

Theo Hải Hồ

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Trong bài văn trên, tác giả nói đến con vật nào?

A. Gà Chiếp

B. Trống Choai, gà Chiếp

C. Trống Choai

Câu 2: Cái đuôi của chú Trống Choai bây giờ có hình dáng như thế nào?

A. Cong cong

B. Thẳng đuồn đuột

C. Nhỏ, gọn

Câu 3: Chú gà Trống Choai đứng ở đâu để cất tiếng gáy?

A. Trống Choai đứng ở góc sân.

B. Trống Choai đứng ngất ngưỡng trên đồng củi ở góc sân.

C. Trống Choai đứng ngất ngưỡng trên cành chanh.

Câu 4: Những từ ngữ: phóc một cái, nhảy tót lên, phóc lên nói lên điều gì về Trống Choai?

A. Trống Choai có thân hình to lớn.

B. Trống Choai khỏe mạnh, nhanh nhẹn.

C. Trống Choai lớn nhanh như thổi.

Câu 5: Vì sao lũ gà Chiếp em út lại tỏ vẻ thán phục Trống Choai?

A. Trống Choai có thân hình to lớn và khoác bộ lông đẹp sắc sỡ.

B. Trống Choai biết nhường nhịn lũ gà Chiếp em út.

C. Trống Choai khỏe mạnh, nhanh nhẹn và nhảy lên cao rất nhanh.

Câu 6: Gạch chân dưới những từ ngữ chỉ đặc điểm trong câu sau:

Bây giờ, đuôi chú đã có dáng cong cong chứ không đuồn đuột nữa.

Câu 7: Đặt một câu nêu đặc điểm nói về chú Trống Choai trong bài đọc trên:

.....

ĐỀ 10

THÀNH PHỐ TƯƠNG LAI

Em hãy nhắm mắt tưởng tượng về thành phố trong tương lai. Thành phố có những chiếc xe có cánh, bay đầy trên bầu trời. Các xe dùng một thứ nhiên liệu được chiết xuất từ trái cây nên tỏa hương thơm ngát.

Đường bên dưới chủ yếu dành cho người đi bộ. Lại có những thảm cỏ xanh ngát để người đi bộ nghỉ chân nữa. Thành phố có trồng rất nhiều loại hoa thật đẹp.

Ngày cuối tuần, mọi người thường đi chơi trong công viên. Khi gặp khách nước ngoài, mọi người chào hỏi thật thân thiện. Những người buôn bán đồ lặt vặt không đi theo mời mọc, gây khó chịu cho mọi người. Khi cần mua, các em nhỏ cũng nói năng lễ phép với người bán.

Em tưởng tượng rồi lại nghĩ: Để thành phố mình đẹp hơn, mình cũng có thể góp một phần. Từ nay, khi bước ra đường, em sẽ giữ vệ sinh chung và thật hòa nhã với mọi người.

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1. *Bạn nhỏ nghĩ về điều gì trong tương lai?*

- A. Về cuộc sống ở thành phố
- B. Về đồng quê
- C. Về môi trường thiên nhiên

Câu 2. *Đường phố ở thành phố tương lai có điểm gì đặc biệt?*

- A. Chỉ chủ yếu dành cho người đi bộ, có thảm cỏ xanh để nghỉ chân.
- B. Chỉ có những chiếc xe có cánh bay khắp nơi, xe chạy bằng nhiên liệu từ trái cây.
- C. Chỉ có khách nước ngoài và những người buôn bán lặt vặt đi lại trên đường.

Câu 3. *Biểu hiện nào cho thấy mọi người ở thành phố tương lai đối xử với nhau rất lịch sự?*

- A. Ngày cuối tuần, mọi người cùng nhau vào công viên vui chơi, trẻ con cười đùa vui vẻ thân thiện với nhau.
- B. Các xe dùng nhiên liệu chiết xuất từ trái cây để không gây ô nhiễm cho mọi người xung quanh.
- C. Chào hỏi thân thiện với người nước ngoài, người bán hàng không mời ép khách, trẻ em nói năng lễ phép.

Câu 4. *Bạn nhỏ sẽ làm gì để thành phố tương lai đẹp hơn?*

- A. Trồng nhiều cây và hoa
- B. Giữ vệ sinh chung và cư xử hòa nhã với mọi người
- C. Bảo vệ môi trường

Câu 5. *Hãy ghi lại những việc mà em sẽ làm để thành phố chúng ta sạch, đẹp, văn minh hơn.*

.....
.....
.....

Câu 6. *Câu “Hoa ở thành phố thật đẹp.” được viết theo mẫu câu nào?*

- A. Câu nêu đặc điểm
- B. Câu nêu hoạt động
- C. Câu giới thiệu

Câu 7. *Tìm trong bài và viết vào chỗ chấm:*

- 2 từ chỉ sự vật :
- 2 từ chỉ hoạt động :

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Bài 1. Xếp các từ sau vào bảng cho thích hợp: *bạn, nói, bố, quần áo, cặp sách, đi học, chạy, cô giáo, bông hoa, nhìn ngó, bụi rậm, quả bóng, suy nghĩ, nhật, cậu bé, chạy tìm.*

Chỉ người	Chỉ vật	Chỉ hoạt động
.....		
.....		

Bài 2: Đặt 1 câu giới thiệu, 1 câu nêu hoạt động, 1 câu nêu đặc điểm về một con vật mà em thích

.....

.....

.....

Bài 3: Gạch dưới từ ngữ chỉ sự vật có trong khổ thơ sau:

Hôm qua em tới trường

Mẹ dắt tay từng bước

Hôm nay mẹ lên nương

Một mình em đến lớp...

Bài 4: Khoanh vào chữ cái trước dòng có tiếng viết sai chính tả s/x:

a. sim, sông, suối, chim sẻ

b. xem xét, mùa xuân, xấu xa, xa xôi

c. quả sung, chim xáo, sang sông

d. đồng xu, xem phim, hoa xoan

Bài 5: Điền *ra/gia/da* vào chỗ chấm để hoàn thiện các câu sau:

a. Giờ chơi, chúng em nô đùa trên sân.

b. Mặt hoa,phấn.

c. đình là nơi ấm áp yêu thương.

Bài 6: Xếp các từ sau vào bảng cho thích hợp:

đen, cao, hiền lành, nhỏ nhắn, gầy, xanh, phúng phính, mập, to, hung dữ, đo đỏ, thấp

Đặc điểm về tính cách	Đặc điểm về màu sắc	Đặc điểm về hình dáng, kích cỡ
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		

Bài 7: Gạch dưới từ không chỉ nghề nghiệp trong mỗi dãy từ sau:

- a) thợ nề, thợ xây, xây nhà, thợ khóa, giáo viên.
- b) đầu bếp, lao công, lao động, nghệ sĩ, nhà thơ.
- c) diễn viên, đạo diễn, ca sĩ, anh dũng, phi công.
- d) cần cù, thợ may, thợ thủ công, nhà văn, bác sĩ.

Bài 8: Gạch chân những từ ngữ không thuộc nhóm mỗi dãy từ sau:

- a. bảng con, phấn, tẩy, cặp sách, bút chì, thước kẻ, keo dán, cái xô.
- b. mây, gió, nóng, trắng, sao, bầu trời

Bài 9: Khoanh vào câu nêu đặc điểm:

- a. Bạn Lan là học sinh chăm chỉ
- b. Bạn Lan rất chăm chỉ.

Bài 10: Khoanh vào câu giới thiệu:

- a. Bầu trời là bạn của các vì sao.
- b. Bầu trời lấp lánh ánh sao.

Bài 11: Viết câu:

- a. Giới thiệu về bản thân em:
.....
- b. Nêu hoạt động em thường làm mỗi ngày:
.....

c. Nêu đặc điểm tính cách người bạn thân của em:

.....

Câu 12 Tìm và viết lại từ chỉ đặc điểm trong câu sau:

“Xa xa, giữa cánh đồng, đàn trâu ra về, lưng thưng từng bước nặng nề.”

.....

Câu 13 Điền từ chỉ hoạt động phù hợp vào chỗ trống:

1. Cô giáo của em đang.....bài trên lớp.
2. Bạn Ngọc Anhtruyện rất say sưa.
3. Bác bảo vệ đã.....trống tan trường.
4. Chị Phương Nga.....song ca cùng chị Phương Linh.

Bài 14: Điền dấu phẩy vào vị trí thích hợp trong các câu:

- a. Mẹ mua tặng em quần áo đồ chơi sách truyện.
- b. Con cái phải biết ngoan ngoãn chăm chỉ và vâng lời cha mẹ.
- c. Em cùng ông nhổ cỏ bắt sâu cho cây vào cuối tuần.
- d. Hoàng Minh rất thích chơi bóng bàn bóng đá.
- e. Diệu Hương luôn đi học đều học bài làm bài đầy đủ.
- g. Thu Hà học giỏi hát hay nên được thầy cô bạn bè quý mến.
- h. Muông thú đói rét ốm đau vì mùa đông kéo dài

Bài 15: Nối:

Câu giới thiệu	Câu nêu đặc điểm	Câu nêu hoạt động
----------------	------------------	-------------------

Hoa rử em đi học mỗi ngày.	Đứa trẻ rất nhanh nhẹn, thông minh.	Nhà là nơi có tình yêu thương
-------------------------------	--	----------------------------------

Bài 16: Đặt dấu chấm hay dấu chấm hỏi vào ô trống:

a, Đặt dấu chấm hay dấu chấm hỏi.

☐

Cậu bé cầm bột gạo nếp và đi đến hiệu hàn Cậu ngồi ở cửa suốt cả một ngày, cuối cùng ông chủ hiệu hỏi:

☐

- Này cậu bé, cậu cho tôi chỗ bột nếp ấy nhé

- Chỗ bột này là cả gia tài của cháu, cháu không thể cho ông trừ khi ông đổi cho cháu một thứ gì đó ☐

- Thế cậu bán cho tôi được không ☐

- Không, cháu cũng không bán ☐ Nhưng nếu ông cho cháu cái ầm kia thì cháu sẽ cho ông chỗ bột này ☐

b, Đặt dấu chấm hay dấu chấm hỏi.

Cô Mây suốt ngày bay nhón nhơ, rong chơi ☐ Gặp chị Gió , cô gọi:

- Chị Gió đi đâu mà vội thế ☐

- Tôi đang đi rủ các bạn Mây ở khắp nơi về làm mưa. Cô có muốn làm mưa không ☐

- Làm mưa để làm gì hả chị ☐

- Làm mưa cho cây cối tốt tươi, cho lúa to bông, cho khoai to củ ☐

c, Đặt dấu phẩy, dấu chấm hay dấu chấm hỏi.

Ngày xưa ☐ Kiến Vàng và Kiến Đen là đôi bạn thân ☐ Chúng thường cùng nhau kiếm mồi ☐ cùng ăn và cùng nhau vui chơi ☐ Hai bạn gắn bó với nhau như hình với bóng ☐ Một hôm ☐ Kiến Vàng hỏi Kiến Đen:

- Kiến Đen này bạn có muốn cùng đi ngao du thiên hạ không ☐

CHÍNH TẢ

Nghe – viết các đoạn văn sau:

Đề 1: Mạo hiểm

Có hai hạt giống nằm cạnh nhau trên mảnh đất mùa xuân màu mỡ. Hạt thứ nhất nói:

- Tôi muốn mọc thành cây. Tôi muốn đâm rễ sâu xuống đất, vươn mầm lên cao, nhú chồi non đón mùa xuân đang đến. Tôi ao ước được đón ánh mặt trời mơn man trên lá và những giọt sương long lánh đọng lại trên hoa.

Đề 2: Vẽ đẹp hoa ban Tây Bắc

Lá ban hình móng bò, người Thái bảo hình “đôi trái tim ghép lại”. Quả ban giống như quả bồ kết, hạt già đồ chín ăn ngon như hạt đậu. Người Thái rất yêu hoa ban, nên ngày Tết trên bàn thờ luôn có cành hoa ban để dâng cúng, tỏ lòng thành kính với tổ tiên.

Đề 3: Tình thương của Bác

Lát sau, Bác bước vào nhà. Chị Chín sững sốt nhìn Bác. Mấy cháu nhỏ kêu lên “Bác Hồ, Bác Hồ!” rồi chạy lại quanh Bác. Lúc này chị Chín mới chợt tỉnh, vội chạy lại ôm choàng lấy Bác, khóc nức nở. Chờ cho chị bớt xúc động, Người an ủi: “Năm mới sắp đến, Bác đến thăm nhà, sao thím lại khóc?”.

Đề 4: Cậu bé thợ nề

Đến bốn giờ, chúng tôi được ăn chiều. Khi chúng tôi ăn xong đứng dậy, không hiểu tại sao bố lại không muốn tôi phải sạch vết vôi trắng mà cái áo của **cậu bé thợ nề** đã để đầy trên lưng ghế, bố giữ tay tôi lại, và mãi về sau mới tự mình phải lấy một cách kín đáo.

Đề 5: Sốc và Thỏ đi tắm nắng

Sốc tinh nghịch, nhặt một viên sỏi to ném về phía Thỏ. Viên sỏi rơi xuống nước gần nơi Thỏ đứng làm nước bắn lên tung tóe vào mặt và người Thỏ. Chú Thỏ giận quá, cúi đầu nhặt viên đá ném trả lại bên Sóc. Đá cũng rơi xuống nước và Sóc cũng bị ướt như Thỏ.

TẬP LÀM VĂN

Đề 1: Viết 4 – 5 câu tả một đồ dùng trong gia đình em.

Gợi ý

- Tên đồ dùng là gì?
- Nó có gì nổi bật về hình dạng, kích thước, màu sắc, ...?
- Nó được dùng để làm gì?
- Em có cảm nghĩ gì khi đồ dùng đó có trong nhà của mình?

Đề 2: Viết 4 – 5 câu kể về một buổi đi chơi cùng người thân(hoặc thầy cô giáo, bạn bè.)

Gợi ý

- Em đã được đi đâu, vào thời gian nào? Có những ai đi cùng với em?
- Mọi người đã làm những gì?
- Em và mọi người có cảm xúc như thế nào trong chuyến đi đó?
- Nêu cảm nghĩ của em về chuyến đi đó?